

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÚP DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Ths. Đinh Lê Hạnh*

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm trên 97% tổng số doanh nghiệp (DN) của cả nước và là lực lượng đóng góp rất quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam. Hầu hết các DNNVV có nhu cầu vay vốn tín dụng ngân hàng, nhưng thực tế vừa qua dư nợ vay vốn ngân hàng của DNNVV vẫn còn thấp và tỷ trọng cho vay DNNVV trong cho vay toàn nền kinh tế có xu hướng giảm. Do đó, cả Nhà nước, tổ chức tín dụng và các DNNVV cần thực hiện tổng thể nhiều giải pháp nhằm giúp DNNVV tiếp cận tín dụng đạt hiệu quả cao hơn...

• Từ khóa: DNNVV, tín dụng ngân hàng, cho vay DNNVV.

Small and medium enterprises (SMEs) account for over 97% of the total number of enterprises in the country and are a very important contributor to economic growth and solving socio-economic problems in Vietnam. Most SMEs have a need for bank credit loans, but in reality, the outstanding bank loans of SMEs are still low and the proportion of SME loans in the total lending of the economy tends to decrease. Therefore, the State, credit institutions and SMEs need to implement a number of comprehensive solutions to help SMEs access credit more effectively...

• Key words: SMEs, bank credit, SME lending.

Ngày nhận bài: 02/7/2025

Ngày gửi phản biện: 08/7/2025

Ngày duyệt đăng: 11/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i302.21>

1. Tổng quan về doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, việc xác định DNNVV được căn cứ vào các tiêu chí nêu cụ thể tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/08/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hiện nay ở Việt Nam, DNNVV là lực lượng đóng góp rất quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Theo Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2024, tính tới ngày 31/12/2022 cả nước có 895.876 DN đang hoạt động, trong đó có 715.179 DNNVV đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh (chiếm 97,24% tổng số DN đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh ở Việt Nam). Trong số 715.179 DNNVV

đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, số DN siêu nhỏ là 493.296 (chiếm 68,97% tổng số DNNVV), số DN nhỏ là 194.217 (chiếm 27,16%), số DN vừa là 27.716 (chiếm 3,88%). Như vậy, đa số các DN ở Việt Nam là loại có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, loại DN nghiệp vừa và lớn chiếm tỷ trọng rất thấp.

Theo thông tin từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hàng năm các DNNVV đóng góp khoảng 40% GDP, nộp ngân sách nhà nước 30%, đóng góp giá trị sản lượng công nghiệp 33%, giá trị hàng hóa xuất khẩu 30% cho nền kinh tế Việt Nam.

Như vậy, thời gian qua các DNNVV đã cung cấp một khối lượng lớn sản phẩm, dịch vụ và tạo ra nhiều việc làm cho dân cư, làm tăng thu nhập cho người lao động, góp phần giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Tình hình vay vốn tín dụng ngân hàng của DNNVV ở Việt Nam

Để hoạt động được trong nền kinh tế thị trường, các DN (trong đó có DNNVV) cần phải có vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, chúng bao gồm: vốn tự có (nguồn vốn chủ sở hữu) của DN và các khoản nợ phải trả. Các khoản nợ của DNNVV rất đa dạng, thường được huy động qua các kênh chính như: (i) Thông qua vay từ các tổ chức tín dụng, nguồn vốn cấp dựa trên tài sản qua các hình thức như cho thuê tài chính, thuê mua trả góp, bao thanh toán, bảo lãnh; (ii) Thông qua thị trường tài chính bằng cách phát hành cổ phiếu và trái phiếu ra công chúng qua việc sử dụng các công cụ vốn; (iii) Nguồn vốn trực tuyến (cho vay ngang hàng, công nghệ tài chính - fintech). Trong đó, nguồn vốn huy động qua các tổ chức tín dụng giữ vai trò rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV.

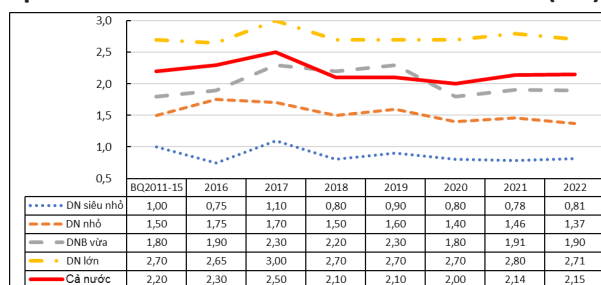
* Tập đoàn Đinh Lê

Tiếp cận tín dụng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động và thành công của các DNNVV. Trong thực tế, nguồn tài chính của các DNNVV chủ yếu dựa vào nguồn vốn nội bộ của chủ DN, nguồn vốn nội bộ này có được nhờ huy động vốn mới từ cổ đông, tiền tiết kiệm cá nhân của chủ sở hữu hoặc từ phần lợi nhuận được giữ lại hay chưa phân phối từ nguồn thu hoạt động kinh doanh có được trong những năm trước. Do các DNNVV có vốn chủ sở hữu nhỏ, không đủ đầu tư vào các hoạt động sản xuất - kinh doanh, cho nên các DN này phụ thuộc nhiều hơn vào các nguồn tài chính khác (như vay ngân hàng hoặc các loại tín dụng khác).

Theo Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2024, năm 2022 trên phạm vi cả nước chỉ 44,6% số DN kinh doanh có lãi, trong đó số DN kinh doanh có lãi ở nhóm DN siêu nhỏ là 34,5%, ở nhóm DN nhỏ là 63,2%, ở nhóm DN vừa là 71,5%, ở nhóm DN lớn là 76,4%. Như vậy, khi quy mô DN tăng lên thì tỷ lệ số DN kinh doanh có lãi cũng tăng theo, tức là hiệu quả kinh doanh của DN sẽ được nâng lên cùng với quy mô của DN. Đây cũng là lý do khiến cơ hội tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ngân hàng đối với các DNNVV bị hạn chế, bởi vì khó đáp ứng các điều kiện vay vốn của ngân hàng.

Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2024 cho thấy, năm 2022 trên phạm vi cả nước chỉ số nợ (được tính bằng tổng nợ bình quân / tổng vốn tự có bình quân) của DN đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là 2,15 lần, trong đó chỉ số nợ ở nhóm DN siêu nhỏ là 0,81 lần, ở nhóm DN nhỏ là 1,37 lần, ở nhóm DN vừa là 1,90 lần, ở nhóm DN lớn là 2,71 lần. Như vậy, khi quy mô DN tăng lên thì DN cũng có thêm cơ hội thuận lợi để huy động các nguồn vốn bên ngoài phục vụ cho sản xuất kinh doanh của mình, làm cho chỉ số nợ tăng lên.

Hình 3: Chỉ số nợ của DN đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2011-2022 (lần)



Nguồn: Tập hợp từ các Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam của Tổng cục Thống kê

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế tính tới cuối năm 2016 là 5,51 triệu tỷ đồng (trong đó, cho vay các

DNNVV là 1,20 triệu tỷ đồng, chiếm 21,84% tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế); tính tới cuối năm 2023 là 13,57 triệu tỷ đồng (trong đó, cho vay các DNNVV là 2,48 triệu tỷ đồng, chiếm 18,30%); tính tới cuối năm 2024 là 15,56 triệu tỷ đồng (trong đó, cho vay các DNNVV là 2,74 triệu tỷ đồng, chiếm 17,61%); tính tới cuối tháng 9/2025 là 17,41 triệu tỷ đồng (trong đó, cho vay các DNNVV là 3,32 triệu tỷ đồng, chiếm 19,04%). Trong giai đoạn từ năm 2016-2024, tốc độ tăng trưởng gộp hàng năm (Compound Annual Growth Rate - CAGR) của tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế là 13,87%/năm, của tổng dư nợ cho vay các DNNVV là 10,85%/năm. Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2016-2024, tổng dư nợ cho vay các DNNVV có xu hướng tăng qua các năm, nhưng CAGR tổng dư nợ cho vay các DNNVV thấp hơn của tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế khá nhiều. Điều đó làm cho tỷ trọng cho vay DNNVV trong cho vay toàn nền kinh tế có xu hướng giảm.

Riêng giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025, tỷ trọng cho vay DNNVV trong cho vay toàn nền kinh tế có dấu hiệu tăng là do các ngân hàng tích cực triển khai nhiều chương trình tín dụng hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đầu tư các dự án theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân (thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan về hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân); cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ...

Mặt khác, từ số liệu trong Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2024 cho thấy, tính tới cuối năm 2022 tổng dư nợ tín dụng ngân hàng cho vay các DNNVV chỉ bằng 13,14% so với tổng nguồn vốn của các DNNVV đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ thấp này là kết quả của những nguyên nhân như: nhiều DNNVV gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng (hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu vay vốn của ngân hàng, không có tài sản đảm bảo cho khoản vay...); một số DN không dám vay (vì không có phương án kinh doanh khả thi, không có thị trường tiêu thụ...); một số DNNVV là DN gia đình có thể tự lo được vốn kinh doanh và không có nhu cầu vay vốn ngân hàng v.v...

Hầu hết các DNNVV đều mong muốn được tiếp cận nguồn tín dụng chất lượng cao với mức chi phí thấp từ các ngân hàng thương mại. Tuy

nhiên, những DNNVV thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ngân hàng khó xem xét cấp tín dụng vì những lý do như: Hồ sơ vay vốn của nhiều DNNVV có số liệu tài chính thiếu minh bạch và chính xác; báo cáo tài chính chưa được kiểm toán; báo cáo thuế chưa khớp với báo cáo tài chính nội bộ; chứng từ kế toán không đáp ứng các chuẩn mực theo quy định; thiếu tài sản bảo đảm cho khoản vay... Trong khi đó, phía ngân hàng gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin về các DNNVV, do hiện nay các tổ chức tín dụng chủ yếu khai thác thông tin thông qua việc tìm hiểu trực tiếp DN và qua Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC), chưa khai thác được tối đa các thông tin từ các hiệp hội, ngành hàng, cơ quan thuế, cơ quan hải quan... Cơ chế hỗ trợ tiếp cận vốn cho DNNVV thông qua các Quỹ tài chính nhà nước chưa hiệu quả.

Trước bối cảnh đó, Nhà nước Việt Nam đã tập trung thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư để tạo điều kiện thu hút DNNVV tham gia đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; ban hành và thực thi nhiều chính sách nhằm hỗ trợ các DNNVV. Đặc biệt, sau khi Luật Hỗ trợ DNNVV được Quốc hội thông qua ngày 12/6/2017, trong đó quy định rõ việc hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho các DNNVV thông qua chính sách tăng dư nợ cho vay theo từng thời kỳ và cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV theo Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; và Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV.

Để hiện thực hoá các chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng, tạo điều kiện cho DNNVV tiếp cận vay vốn. Cùng với việc ban hành chính sách, văn bản hướng dẫn, Ngân hàng Nhà nước còn tổ chức các Chương trình kết nối ngân hàng - DN tại nhiều địa phương nhằm thúc đẩy nguồn vốn tín dụng hỗ trợ DNNVV phát triển sản xuất - kinh doanh; Bên cạnh đó, nhiều chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất nhằm khuyến khích DNNVV hoạt động 4 lĩnh vực gồm: đổi mới sáng tạo; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải...

Tuy nhiên, trong quá trình tiếp cận tín dụng của DNNVV, vẫn còn tồn tại những hạn chế, cụ thể như:

(1) Quy mô của hầu hết các DNNVV ở Việt Nam còn nhỏ và siêu nhỏ, với hiệu suất hoạt động còn thấp...

(2) Các DNNVV gặp hạn chế trong tiếp cận thông tin, trình độ nhân lực, quản trị dẫn tới kỹ năng hoạch định, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh thiếu tính khả thi và chưa có kế hoạch ứng phó với biến động của giá cả, thị trường... Một bộ phận DNNVV chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác lập dự án kinh doanh, chỉ coi công tác lập dự án là thủ tục để huy động vốn... cho nên khó đáp ứng được các điều kiện vay vốn ngân hàng.

(3) Nhiều DNNVV không có tài sản bảo đảm cho khoản vay, cho nên việc tiếp cận nguồn tín dụng gặp rất nhiều khó khăn. Tài sản bảo đảm của các DNNVV cũng chưa đáp ứng được các yêu cầu của tổ chức tín dụng như: tính pháp lý của tài sản chưa rõ ràng, tài sản không khả mại, giá trị bảo đảm thấp...

(4) Trong bối cảnh thực hiện cơ cấu lại hoạt động ngân hàng và do tình trạng nợ xấu trong hệ thống ngân hàng có dấu hiệu tăng, nên các tổ chức tín dụng ngày càng đẩy mạnh áp dụng các chuẩn mực quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, đòi hỏi ngày càng cao tính minh bạch về thông tin, tài chính, tài sản bảo đảm của khách hàng. Hơn nữa, đặc thù các DNNVV là các DN có thời gian thành lập hoặc vòng đời kinh doanh ngắn, thiếu tính ổn định trong hoạt động kinh doanh, do đó các ngân hàng gặp khó khăn trong việc thẩm định hiệu quả của phương án vay vốn, đánh giá uy tín của khách hàng trong quan hệ tín dụng để đưa ra quyết định cho vay.

(5) Mạng lưới hệ thống các tổ chức tín dụng phân bố chưa đều, chưa hợp lý, tập trung đa phần ở các thành phố, đô thị lớn, trong khi ở các vùng nông thôn lại rất ít... gây khó khăn cho hoạt động tiếp cận vốn tín dụng của các DNNVV ở những vùng thiếu vắng tổ chức tín dụng này.

3. Một số giải pháp hỗ trợ DNNVV tiếp cận tín dụng hiệu quả

Một là, Nhà nước cần tập trung điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và ổn định mật bảng lãi suất cho vay góp phần tạo lập môi trường kinh doanh ổn định cho DN, người dân. Trong đó, tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách tín dụng ngân hàng, tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho DNNVV tiếp cận vốn; phối hợp với các bộ, ngành trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV tại Luật Hỗ trợ DNNVV, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn thông qua

Quỹ Phát triển DNNVV, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tại địa phương; đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Hai là, Nhà nước cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê về DNNVV, cũng như xếp hạng tín dụng của các DNNVV.

Ba là, cơ cấu lại và phát triển nhanh, an toàn, hiệu quả các thị trường tài chính, nhất là thị trường tiền tệ và thị trường vốn; tạo điều kiện bình đẳng, thuận lợi cho DNNVV tiếp cận vay vốn ngân hàng, huy động vốn trên thị trường chứng khoán, nhất là phát hành trái phiếu doanh nghiệp và sử dụng các dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý; vận hành linh hoạt thị trường mua bán nợ; hình thành mạng lưới liên kết giữa các DN lớn với DNNVV.

Bốn là, các ngân hàng cần hướng đến đơn giản hóa các thủ tục cho vay, yêu cầu cung cấp các thông tin phù hợp với thực tế và có hướng dẫn chi tiết để các DNNVV có thể nắm bắt và thực hiện được.

Năm là, các tổ chức tín dụng cần tăng cường vai trò tư vấn cho DNNVV về các cách tiếp cận dịch vụ, tiện ích của ngân hàng; về quản lý tài chính, lập hồ sơ và lập dự án vay vốn ngân hàng một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất. Để đảm bảo an toàn và hiệu quả đối với khoản vay, ngân hàng nên thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình tài chính, cũng như các hoạt động của DNNVV để sử dụng vốn vay hiệu quả, đúng mục đích... vừa thúc đẩy ngân hàng mở rộng cho vay một cách hiệu quả, vừa đáp ứng tốt nhất nhu cầu vốn cho DNNVV.

Sáu là, cần đa dạng hóa các kênh tiếp cận vốn cho DNNVV, tăng cường tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ từ các chương trình, dự án ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các lĩnh vực kinh doanh đặc thù của các DNNVV được Chính phủ, Nhà nước chú trọng phát triển. Đồng thời, thiết kế các sản phẩm cho vay đặc thù phù hợp với đối tượng khách hàng là DNNVV theo từng nhóm ngành nghề, để có các giải pháp đáp ứng yêu cầu khách hàng một cách linh hoạt.

Bảy là, các DN cần chấp hành nghiêm các quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đặc biệt, phải chấp hành nghiêm Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán và các quy định về tài chính, kế toán của Nhà nước, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm, cung cấp thông tin báo cáo chính xác và kịp thời cho các tổ chức tín dụng khi có yêu cầu... Qua đó, sẽ rút ngắn được thời gian ngân hàng xem xét, phê duyệt hồ sơ vay vốn.

Mặt khác, các DNNVV cần đảm bảo sử dụng vốn vay ngân hàng đúng mục đích, tuân thủ các nội dung trong hợp đồng tín dụng; phối hợp với ngân hàng trong việc thẩm định, kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay; thiện chí, hợp tác với ngân hàng trong việc xử lý tài sản bảo đảm.

Tám là, DNNVV cần chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh, lựa chọn các phương án kinh doanh hiệu quả, tập trung vào những lĩnh vực khai thác được lợi thế so sánh của DN, đồng thời thích ứng với bối cảnh phát triển mạnh mẽ nền kinh tế số trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tập trung đầu tư để nâng cấp công nghệ lõi, đầu tư và ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến. Đồng thời, các DNNVV cần chú trọng tăng cường năng lực quản trị công nghệ, tạo dựng nền tảng phát triển mạnh các sản phẩm, dịch vụ hiện đại, hiệu quả; tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, đặc biệt là các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về quản lý tài chính, lập dự án kinh doanh. Chủ động cải tiến công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Kết luận

DNNVV ở Việt Nam là lực lượng đóng góp rất quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Hầu hết các DNNVV có nhu cầu vay vốn tín dụng ngân hàng, nhưng dư nợ vay vốn ngân hàng của DNNVV vẫn còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu là vì hồ sơ vay vốn của DNNVV chưa đáp ứng được tiêu chuẩn vay vốn từ ngân hàng. Bên cạnh đó, còn có những nguyên nhân khác như: một số tư tưởng chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ DNNVV chưa được triển khai hiệu quả trên thực tế; một số DNNVV không dám vay hoặc không có nhu cầu vay vốn ngân hàng... Để giúp cho DNNVV tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng đạt hiệu quả cao hơn nữa, cả Nhà nước, tổ chức tín dụng và các DNNVV cần thực hiện nhiều giải pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân nêu trên./

Tài liệu tham khảo:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sách trắng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam các năm 2014, 2019, 2020, 2022, 2024, Nxb Thống kê.

Hải Anh, Khởi thông nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ phục hồi, phát triển, Thời báo Tài chính điện tử, ngày 13/09/2024, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/khoi-thong-nguon-von-ho-tro-doanh-nghiep-vua-va-nho-phuc-hoi-phat-trien-159329-159329.html>.

Ngô Thanh Huyền, Dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 17,71 triệu tỷ đồng, cổng thông tin điện tử chính phủ, ngày 06/10/2025, <https://media.chinhphu.vn/du-no-tin-dung-toan-he-thong-dat-1771-trieu-ty-dong-102251006103243184.htm>

T.L, Khoảng 44% dư nợ tín dụng ngân hàng được "bom" cho doanh nghiệp tư nhân, Báo điện tử Đầu tư, ngày 21/03/2025, <https://baodautu.vn/khoang-44-du-no-tin-dung-ngan-hang-duoc-bom-cho-doanh-nghiep-tu-nhan-d257185.html>

Website Ngân hàng Nhà nước, <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/tk/dntdvntk>